| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – GIA LAI**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 21/2026/HS-ST
Ngày: 30 - 3 - 2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đoàn Nhữ Thật
*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Đức Thuận
Bà Đào Thị Thanh Phương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tín - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số 14/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HS ngày 27/02/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/HSST-QĐ ngày 19/3/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh ngày 02/5/1964 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: tổ dân phố A, phường B, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Số CCCD: 052064022719; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1937; Vợ: Phạm Thị Kim L, sinh năm 1960 (đã ly hôn); con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 29/10/2021, Nguyễn Văn M bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (cũ) tuyên phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2021/HS-ST về tội *"Đánh bạc"*, đến ngày 19/02/2023 chấp hành xong bản án trên, đến ngày 19/02/2024 thì được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn P, xã B, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

2. Bà Lương Thị N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

3. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thành phố Hải Phòng. (Vắng mặt)

4. Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt có đơn)

5. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

6. Bà Đặng Thị A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt có đơn)

7. Cháu Ngô Đặng Cẩm T2, sinh năm 2008; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

- *Đại diện cho người làm chứng dưới 18 tuổi cháu Ngô Đặng Cẩm T2:* Bà Đặng Thị A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt có đơn)

8. Ông Huỳnh Minh T3, sinh năm 1975; nơi cư trú: C N, phường Q, tỉn G. (Vắng mặt có đơn)

9. Ông Đinh Y Đức T4, sinh năm 1999; nơi cư trú: Làng G, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

10. Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 16/7/2025, Nguyễn Văn M cùng với bà Nguyễn Thị P đến quán cà phê hát cho nhau nghe Thiên P1 của ông Đặng Văn H1 để chơi và hát karaoke cùng với người quen. Khoảng 19 giờ cùng ngày, bà Lương Thị N nhờ bà Lê Thị H gọi bà P ra gặp bà N để nói chuyện nợ nần. Sau đó, bà H đi lại chỗ bàn bà P, vỗ vai bà P và nói: "*Chị đi ra ngoài để nói chuyện chút"*; bà P trả lời: *"Em không quen chị, không có chuyện gì để nói, em không biết chị là ai"*; bà H nói tiếp: *"Ủ, không quen thì để tao ra tao nói"* rồi bỏ đi ra khỏi quán; tiếp theo đó bà N vào yêu cầu bà P ra ngoài nói chuyện nhưng bà P trả lời *"Không có chuyện gì để nói"*, rồi bà N đi ra khỏi quán. Lúc này, M cũng đi theo bà N ra ngoài, rồi sau đó giữa M với bà N cùng ông Trần Văn T1 xảy ra mâu thuẫn với nhau nhưng được người dân can ngăn nên M bỏ đi vào lại trong quán.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi lên sân khấu tặng hoa cho khách đang hát thì bà P qua gặp bà H nói *"Chị, công việc này không phải của chị, em cũng không có chuyện gì để nói với chị, em cũng không quen chị, mắc mớ gì chị gọi em ra ngoài nói chuyện"*, rồi sau đó xảy ra xô xát đánh nhau giữa bà P với bà H trên sân khấu. Lúc này, M quay lại quán và nhìn thấy bà P với bà H đánh nhau nên M chạy lên sân khấu nắm cổ áo bà H kéo ra phía sau làm bà H mất thăng bằng ngã xuống sàn sân khấu; trong lúc nắm kéo cổ áo đã làm đứt sợi dây chuyền vàng của bà H đang đeo trên cổ và dính vào kẽ ngón tay thì bị cáo M nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã cất ngay sợi dây chuyền này vào trong túi quần của mình. Sau khi mọi người can ngăn kéo đi ra khỏi quán thì khoảng 20 phút sau, bà H mới phát hiện sợi dây chuyền vàng đeo trên cổ trước đó đã bị mất nên hô hoán nhờ bà N đi báo cáo cơ quan Công an; còn M đem sợi dây chuyền bỏ vào gốc cây bằng lăng bên hông quán cà phê Thiên P1 trong lúc đi vệ sinh. Khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, Công an xã V, tỉnh Gia Lai đến hiện trường làm việc thông báo về sự việc bà H bị mất sợi dây chuyền và tổ

chức tìm kiếm nhưng không thấy. Khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, Công an xã V trích xuất dữ liệu camera tại nhà ông H1 và xác định M là người lấy sợi dây chuyền của bà H và tiến hành làm việc với M thì M thừa nhận hành vi của mình và dẫn chỉ nơi cất giấu, đồng thời giao nộp sợi dây chuyền vàng nói trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã trưng cầu Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định sợi dây chuyền và mặt dây chuyền hình phật bằng kim loại màu vàng có phải là kim loại vàng không, hàm lượng vàng là bao nhiêu, khối lượng mẫu là bao nhiêu. Kết luận giám định số: 1443/KL-KTHS ngày 29/8/2025, Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Sợi dây chuyền gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng của kim loại vàng 61,0%; khối lượng mẫu là 5,79gam.

- Mặt dây chuyền gửi giám định có kim loại vàng (Au); hàm lượng của kim loại vàng 61,0%; khối lượng mẫu là 1,39gam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G ra yêu cầu định giá tài sản. Kết luận định giá tài sản số: 201/KL-HĐĐGTTHS ngày 18/9/2025 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai xác định:

- 01 (một) sợi dây chuyền vàng tây trọng lượng 1,547 chỉ, tuổi vàng 610, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau tại thời điểm định giá (ngày 16/7/2025) là 10.210.200 đồng.

- 01 (một) mặt dây chuyền hình phật, trọng lượng 3,73 phân, tuổi vàng 610 tại thời điểm định giá (ngày 16/7/2025) là 2.461.800 đồng.

Tổng cộng: 12.672.000đ (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Về vật chứng, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G tạm giữ:

- 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, gồm nhiều mắc xích nối lại với nhau, dài 45,5cm, hai đầu sợi dây có phần mắc xích bị đứt gãy, khối lượng 5,77gam (được niêm phong theo quy định);

- 01 (một) mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, hình phật; khối lượng 1,37gam (được niêm phong theo quy định);

- 01 (một) áo thun ngắn tay nên áo màu xanh dương có hoa văn hình bông hoa gồm các màu vàng – đỏ - trắng, hai bên vai áo đều bị rách, vai áo bên phải rách đến phần cánh tay.

Ngày 15/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng số: 15236/QĐ-VPCQCSĐT bằng hình thức trả lại sợi dây chuyền, mặt dây chuyền và áo thun nói trên cho bà Lê Thị H là chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lê Thị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKSKV4 ngày 04/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai truy tố: Nguyễn Văn M về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định

tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Gia Lai giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h, t khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức án từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về dân sự: Bị hại Lê Thị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết ăn năn hối hận về hành vi sai trái của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và Điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện:

Vào khoảng 20 giờ ngày 16/7/2025, tại quán cà phê hát cho nhau nghe T5 ở thôn Đ, xã V, tỉnh Gia Lai, trong lúc giằng co kéo ngã và làm đứt sợi dây chuyền vàng của bà Lê Thị H đang đeo trên cổ và dính vào kẽ ngón tay thì bị cáo Nguyễn Văn M nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo đã có hành vi lén lút cất giấu sợi dây chuyền này nhằm mục đích để chiếm đoạt nhưng sau đó bị Công an xã V, tỉnh Gia Lai phát hiện. Theo kết luận định giá tài sản số: 201/KL-HĐĐGTTHS ngày 18/9/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai xác định giá trị tài sản sợi dây chuyền có mặt dây chuyền đều là kim loại vàng bị cáo đã chiếm đoạt là 12.672.000đ (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn M là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Gia Lai truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn. Bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần xử lý bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn M có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã chỉ nơi cất giấu vật chứng là sợ dây chuyền vàng mà bị cáo đã chiếm đoạt, tài sản sau khi bị cáo chiếm đoạt vẫn nằm trong khuôn viên quán T6 (nơi xảy ra vụ việc) đã được thu hồi và trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại gì cho bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản đã thu hồi và trả cho bị hại, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Lê Thị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Gia Lai về tội danh đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Về đề nghị mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Gia Lai là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M  phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/3/2026).

2.2 Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Gia Lai quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Lê Thị H đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn M là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4 – Gia Lai;
- Cơ quan THAHSCA tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 4 – Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại;
- Đương sự vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Nhữ Thật**